

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện tích chuyên dùng phục vụ hoạt động đặc thù tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bến Tre

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Thực hiện Công văn số 448/HĐND-TH ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2768/TTr-STC ngày 19 tháng 8 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện tích chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Bến Tre.

2. Quyết định này không áp dụng đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện tích chuyên dùng của đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đóng trên địa bàn tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan của Đảng, nhà nước các cấp.

2. Tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện tích chuyên dùng tại Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan để làm căn cứ lập kế hoạch khi được giao đầu tư xây dựng, thuê trụ sở làm việc và có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện quản lý, sử dụng theo đúng quy định.

2. Diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Quyết định này là diện tích tối đa. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào tính chất công việc, nhu cầu sử dụng, khả năng của ngân sách nhà nước, quỹ nhà đất hiện có và mức độ tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập để quyết định cho phù hợp, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng

1. Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng làm việc cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị được thực hiện tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Những nội dung không quy định tại Quyết định này sẽ thực hiện theo Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và các văn bản khác có liên quan.

Điều 5. Xử lý chuyển tiếp

Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì không xác định lại diện tích tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Quyết định này.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Xây dựng, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2019./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Văn Trọng

Phụ lục
Về tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng
cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bến Tre
(Ban hành kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

Stt	Nội dung	Diện tích tối đa (m ²)	Ghi chú
I	Cấp tỉnh		
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	60	
2	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp dân		
3	Diện tích sử dụng cho hoạt động quản trị hệ thống công nghệ thông tin	40	
4	Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên) không kể sân khấu, được trang bị bàn viết	2,0	m ² /chỗ ngồi
5	Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên) không kể sân khấu, không trang bị bàn viết	1,0	m ² /chỗ ngồi
6	Kho chuyên ngành	200	
II	Cấp huyện		
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	80	
2	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp dân	60	
3	Diện tích sử dụng cho hoạt động quản trị hệ thống công nghệ thông tin	40	
4	Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên) không kể sân khấu, được trang bị bàn viết	2,0	m ² /chỗ ngồi
5	Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên) không kể sân khấu, không trang bị bàn viết	1,0	m ² /chỗ ngồi

Stt	Nội dung	Diện tích tối đa (m²)	Ghi chú
6	Kho chuyên ngành	250	
III	Cấp xã		
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	60	
2	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp dân	40	
3	Diện tích sử dụng cho hoạt động quản trị hệ thống công nghệ thông tin	30	
4	Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên) không kể sân khấu, được trang bị bàn viết	2,0	m ² /chỗ ngồi
5	Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên) không kể sân khấu, không trang bị bàn viết	1,0	m ² /chỗ ngồi
6	Kho chuyên ngành	120	

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Văn Trọng